

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Biên;

2. Ông Tống Đức Như.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Hồng L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện P, thành phố H, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đào Thị Hồng L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời không quan tâm đến gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, xung đột, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh T từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị L khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 12/3/2020, do cháu L bị tự kỷ nên từ khi vợ chồng sống ly thân chị L đưa cháu về nhà bố mẹ để sinh sống và đi học lớp đặc biệt chuyên về chăm sóc trẻ tự kỷ, đến tháng 7 năm 2023 anh T ra thăm con và đưa cháu L về nuôi. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH YOKOWO Việt Nam thu nhập hàng tháng là 8.686.000 đồng.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 23/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đào Thị Hồng L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 12/3/2020, hiện nay cháu Tùng L đang ở với anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng L, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L đề nghị được ly hôn với anh T và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt mà không có lý do, chị Đào Thị Hồng L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đào Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Theo kết quả xác minh ngày 24/10/2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, quá trình chung sống chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị L đã đưa cháu Tùng L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh T từ đầu năm 2022 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, chứng tỏ đời sống chung vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T thừa nhận, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 12/3/2020. Cả chị L và anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng L, do cháu Tùng L còn quá nhỏ, cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ và có môi trường học tập tốt. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Tùng L do chị L trực tiếp nuôi dưỡng (đến tháng 7 năm 2023 anh T mới đón cháu L về nuôi). Do đó, giao cháu Tùng L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[5]. Về án phí: Chị Đào Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đào Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 12/3/2020 là con chung của chị L và anh T. Giao cháu Tùng L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002362 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

